TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Th1.
2. Ông Phan Văn Tr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn C – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 133/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyếtđưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn:

- Ông Mai Bá P, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu phố E, Phường A, thị xã K, tỉnh L.

- Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu phố E, Phường A, thị xã K, tỉnh L.

Ông T *có mặt. Ông* P*, bà* H *vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 23/6/2022 ông Nguyễn Văn T cho ông Mai Bá P vay 100.000.000 đồng để ông P làm công trình (ông P làm chủ thầu xây dựng). Thời hạn vay là 03 tháng. Quá hạn trả mà ông P không trả, ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ H có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 23/6/2022 đến ngày 23/09/2024 là 27 tháng, thành tiền là 45.090.000 đồng. Tổng cộng 145.090.000 đồng. Ông T yêu cầu ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ H có nghĩa vụ liên đới thanh toán lãi phát sinh trên số tiền 145.090.000 đồng, với mức lãi suất 1,67%/tháng kể từ ngày 24/9/2024.

Trong biên bản hòa giải và các lời khai tại Tòa án, ông Mai Bá P trình bày:

Ông P thừa nhận ngày 23/6/2022 có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000 đồng để làm công trình (ông P làm thầu xây dựng). Hai bên có thoả thuận lãi, ông P đã thanh toán được một phần tiền lãi cho ông T còn tiền gốc chưa thanh toán. Do làm ăn khó khăn nên đến nay ông P chưa thanh toán được. Nay ông P đề nghị ông T miễn cho ông P số tiền lãi. Ông P đồng ý một mình ông P thanh toán toàn bộ nợ gốc là 100.000.000 đồng. Ông P không đồng ý đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu vợ ông P là bà Võ Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới trả vì số tiền này chỉ một mình ông P vay và ký giấy vay. Vợ ông P là bà Võ Thị Mỹ H không liên quan đến khoản nợ này.

Ông P đề nghị được trả dần, cụ thể: Từ nay đến cuối năm 2024 ông P trả 20.000.000 đồng; tiếp sau đó cứ mỗi tháng ông P trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án, bà Võ Thị Mỹ H trình bày:

Bà Võ Thị Mỹ H là vợ của ông Mai Bá P, hiện vẫn còn sống chung, ông P trước đây làm thầu xây dựng. Các chi phí trong gia đình chủ yếu do bà H chi trả, lúc nào ông P làm ăn được thì mới lo chi phí trong gia đình. Khoảng 03 năm nay thì ông P làm ăn thất bại nên chủ yếu bà H là người lo kinh tế gia đình.

Nay bà H xác định không đồng ý yêu cầu của ông T do bà H không liên quan đến việc này, ông P vay tiền của ông T thì bà H không biết, giấy nợ cũng chỉ có một mình ông P ký.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày

Ông T xác định ý kiến trình bày tại phiên hòa giải là khi ông P và bà H đồng ý trả nợ thì ông T chỉ đòi nợ gốc. Do ông P và bà H không đồng ý trả nên ông P yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 24/9/2024 đến ngày xét xử theo lãi suất 0,83%/tháng.

Ông P và bà H vắng mặt không có ý kiến.

Ông T đồng ý công khai bản án trên Cổngthông tin điện tử Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Ông T yêu cầu ông P bà H liên đới trả tiền vốn 100.000.000đ và lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 24/9/2022 đến ngày xét xử hôm nay là có cơ sở vì: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 23/6/2022 ông P có ký nhận tiền với ông T và sự thừa nhận của ông P hiện nay còn nợ ông T tiền vốn 100.000.000 đồng. Hơn nữa việc ký nhận tiền của ông P với ông T trong thời kỳ hôn nhân với bà H và ông P mượn tiền của ông T nhằm mục đích làm ăn lo cho gia đình chung với bà H. Do đó, ông T yêu cầu ông P bà H liên đới trả nợ gốc 100.000.000đ và lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 24/9/2022 đến ngày xét xử hôm nay là có căn cứ xem xét theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 288, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đối với ông P yêu cầu chỉ một mình ông trả nợ gốc 100.000.000đ và xin trả dần cho ông T từ nay đến cuối năm 2024 là 20.000.000đ phần còn lại mỗi tháng 10.000.000đ đến khi hết nợ là không có cơ sở vì số tiền ông vay của ông T dùng trong mục đích làm ăn lo cho gia đình trong thời kỳ hôn nhân với bà H và bà H cũng biết việc ông P nợ tiền của ông T. Hơn nữa, hiện nay phía ông T không đồng ý một mình ông P trả nợ dần và pháp luật cũng không có qui định việc trả nợ dần nên lời trình bày của ông P chưa đủ cơ sở xem xét theo qui định pháp luật.

- Bà Võ Thị Mỹ H được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ kiện và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án giải quyết vắng mặt bà H là đúng theo qui định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của ông T là có căn cứ xem xét chấp nhận theo quy định Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 463, 466, 357, 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*. Bà H và ông P cư trú tại Phường A, thị xã K, tỉnh L. Căn cứ khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông P*, bà* H*:* Ông P và bà H đã được cấp, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông P và bà H.

[3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Ông T khởi kiện và đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 (một) Giấy mượn tiền đề ngày 23/6/2022 có nội dung ông Mai Bá P mượn số tiền 100.000.000 đồng để làm công trình trường M xã T. Ông P thừa nhận chữ ký, chữ viết tên của ông P và đồng ý trả nợ gốc 100.000.000 đồng. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự2015 có cơ sở xác định ông P có xác lập hợp đồng vay tài sản của ông T số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T về nợ gốc là có căn cứ.

[4]. Về yêu cầu trả nợ lãi:

Giấy mượn tiền đề ngày 23/6/2022 thể hiện thời hạn trả nợ là 03 tháng và không ghi thoả thuận trả lãi vay nhưng ông P thừa nhận vay có lãi. Ông P trình bày đã trả được một phần lãi cho ông T nhưng ông T không chấp nhận việc ông P trả lãi. Ngoài lời trình bày thì ông P chưa đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc có trả lãi cho ông T nên không chấp nhận ý kiến ông P về việc trả lãi cho ông T. Do đó, có căn cứ chứng minh đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Bên vay phải trả lãi chậm trả kể từ khi vi phạm nghĩa vụ tức là từ ngày 24/9/2022. Ý kiến ông P về việc xin không trả lãi là không có căn cứ chấp nhận.

Ông T yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 24/9/2024 đến ngày xét xử theo lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 100.000.000 đồng x 28 tháng 27 ngày (từ ngày 24/9/2022 đến ngày 21/02/2025) x 0,83%/tháng = 23.240.000 đồng + 747.000 đồng = 23.987.000 đồng.

[5]. Về trách nhiệm liên đới: Căn cứ tài liệu mà Toà án thu thập thể hiện ông P và bà H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M (nay là thị xã K). Ông P vay tiền của ông T trong thời kỳ hôn nhân với bà H, mục đích vay tiền để kinh doanh lo cho gia đình trong thời kỳ hôn nhân với bà H và bà H cũng biết việc ông P nợ tiền của ông T. Việc ông P ý kiến xin một mình ông P trả nợ cũng như bà H ý kiến không đồng ý cùng liên đới trả lý do đây là nợ riêng ông P vay là không có cơ sở vì đây là một trong các nghĩa vụ nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, căn cứ khoản 20 Điều 3 và Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình thì ông T yêu cầu ông P và bà H có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Về việc ông P xin trả dần, ông T không đồng ý. Do pháp luật không quy định về việc trả nợ dần nên không có căn cứ chấp nhận.

[7]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông P và bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ vay gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi là 23.987.000 đồng.

[8]. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K là có căn cứ.

[9]. *Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:* Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[10]. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí, hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ H phải liên đới chịu án phí là: 123.987.000 đồng x 5% = 6.199.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sựcác Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sựĐiều 3, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Văn T đối với ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ H, buộc ông P và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 23.987.000 (hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn) đồng, tổng cộng là 123.987.000 (một trăm hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí, hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí 3.627.250 (ba triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002657 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K.

3.2. Ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm làm tròn là 6.199.000 (sáu triệu một trăm chín mươi chín ngàn) đồng.

4. Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Mai Bá P và bà Võ Thị Mỹ H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh L;*
- *VKSND tỉnh L;*
- *VKSND thị xã K;*
- *CC.THADS thị xã K;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1